

MỘT SỐ GIỐNG ĐẬU TƯƠNG MỚI VÀ MÔ HÌNH CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU CÂY TRỒNG TRÊN ĐẤT LÚA TẠI ĐÔNG NAM BỘ VÀ ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Văn Chương

*Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc
Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam*

1. Tính cấp thiết

Chuyển đổi cơ cấu cây trồng là một trong những nội dung chủ yếu của chuyển đổi kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Đây cũng là quá trình chuyển dịch từ nền kinh tế thuần nông, tự cung tự cấp, sang nền sản xuất nông nghiệp hàng hoá, đặc biệt trong tình hình lúa gạo xuất khẩu ngày càng bị cạnh tranh nhiều mặt như hiện nay.

Ở Việt Nam, thực chất, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng đã có từ lâu, bởi tính tự nguyện của nông hộ, nhưng do tình hình tiêu thụ, giá cả của một số hàng hoá nông, lâm, thủy sản thường biến động do vậy chưa có tính bền vững, ổn định và thiếu định hướng. Thực hiện Quyết định 150/2005/QĐ-Ttg về việc phê duyệt quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông – lâm nghiệp, thủy sản cả nước đến năm 2010 và tầm nhìn 2020, Quyết định 899/QĐ-Ttg Phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, bền vững của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 3367/QĐ-BNN-Phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa giai đoạn 2014-2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trong thời gian qua một số địa phương trong cả nước đã thực hiện đạt được nhiều thành quả đáng ghi nhận.

Trên thực tế, công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng chỉ triển khai thực hiện trên những vùng đất đang gặp khó khăn, sử dụng cơ cấu cây trồng chưa phù hợp, canh tác theo tập quán, tạo ra một chuỗi giá trị thấp, sản xuất kém hiệu quả và chưa ứng dụng một cách triệt để các tiến bộ kỹ thuật để khai thác nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tuy nhiên, trong thời gian gần đây khi giá lúa gạo bị cạnh tranh, thị trường tiêu thụ lúa gạo ở các nước bị thu hẹp, lượng lúa gạo xuất khẩu bị hạn chế, giá lúa thấp, bị tồn đọng nhiều đặc biệt là vùng Đồng bằng sông Cửu Long, thì chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa là biện pháp cần khẩn trương thực hiện để nâng cao giá trị gia tăng.

Bên cạnh sự dư thừa về lúa gạo thì Việt Nam lại bị thiếu hụt trầm trọng những nguyên liệu nông phẩm khác phục vụ chế biến thức ăn gia súc và dầu thực vật đặc biệt là ngô và đậu tương, trong khi đây là những cây trồng Việt Nam có lợi thế và tiềm năng phát triển. Theo tính toán của Hiệp hội Thức ăn chăn nuôi VN, trong công thức sản xuất thức ăn chăn nuôi hiện nay, có tới 70-80% nguyên liệu phải nhập khẩu từ các thị trường khác nhau đó là ngô, đậu tương, bột cá, bột thịt, cám mì, bột mì và nhiều loại khoáng chất khác. Theo phân tích từ Hiệp hội thì thức ăn chăn nuôi luôn chiếm 65 - 70% giá thành sản phẩm nhưng nguyên liệu làm thức ăn ở nước ta lại đang thiếu trầm trọng. Năm 2012, chỉ tính riêng đậu tương Việt Nam phải nhập khẩu gần 1,3 triệu tấn, tăng 350% so với năm 2010 do áp lực tiêu thụ mạnh về thực phẩm và thức ăn chăn nuôi trong nước. Kim ngạch nhập khẩu đậu tương năm 2012 đạt mức kỷ lục là 755 triệu USD, tăng 416% so với cùng kỳ năm trước, theo các thương nhân trong nước, nguồn nhập khẩu đậu tương sẽ có xu hướng tăng dần do nhu cầu cao về nguyên liệu thức ăn gia súc tại Việt Nam. Như vậy chúng ta vừa tăng kim ngạch xuất khẩu về lúa,

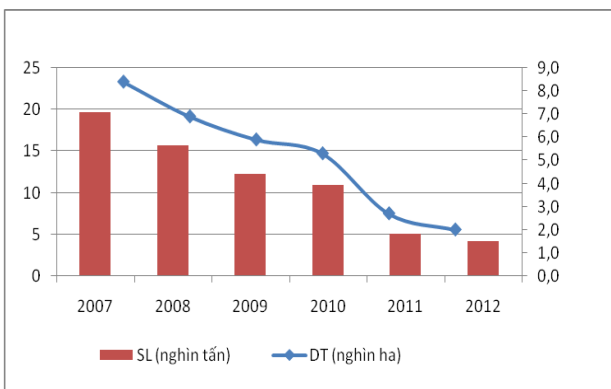
hồ tiêu, cà phê, nhưng cũng đồng thời cũng phải dùng lợi nhuận đó để nhập khẩu ngô, đậu tương, trong khi những cây trồng này phát triển rất thuận lợi tại Việt Nam, đây là một nghịch lý của một quốc gia với ngành nông nghiệp là chính.

Hiện nay, Chính phủ cũng như Bộ Nông nghiệp và PTNT đang có những ưu tiên nghiên cứu phát triển cây trồng này thông qua Chiến lược quốc gia sau thu hoạch lúa gạo, ngô, đậu tương và lạc đến năm 2020 (Quyết định 20/2007/QĐ-BNN) và mục tiêu đề ra đến năm 2015 đậu tương phải đạt diện tích 500 ngàn ha, năng suất đạt 3-3,5 tấn/ha cho vùng thâm canh, đạt 1,5-2,5 tấn/ha, chịu hạn khá cho vùng nhờ nước trời (Quyết định 35 /QĐ – BNN – KHCN). Tuy nhiên, so với thực trạng hiện nay, chỉ tiêu này sẽ khó thực hiện nếu không giải pháp phù hợp.

Vì vậy, xác định chủng loại cây trồng, bố trí hợp lý trong điều kiện thời vụ của địa phương để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất chuyên canh lúa kém hiệu quả, kể cả trên những vùng canh tác lúa thuận lợi, để tăng hiệu quả và lợi nhuận của chuỗi giá trị trong bối cảnh giá lúa, giá gạo xuất khẩu thấp là một công tác cần khẩn trương thực hiện. Do đó, trong công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cần thiết lập một hệ thống sản xuất bền vững, có chuỗi giá trị cao là điều rất cần thiết phải đặt ra hiện nay khi gặp phải một số yếu tố không ổn định và mất cân bằng trong sản xuất và thị trường.

2. Tình hình sản xuất và phát triển đậu tương trong những năm gần đây

Đậu tương là cây công nghiệp ngắn ngày đang được ưu tiên phát triển, theo thời gian, diện tích đậu tương của các tỉnh Nam bộ (ĐNB và ĐBSCL) đang sút giảm một cách nghiêm trọng mặc dù luôn có nhu cầu cao trên thị trường. Năm 2012, diện tích đậu tương của ĐBSCL chỉ đạt 2 ngàn ha, so với 2005, đã giảm hơn 16 ngàn ha (NGTK, 2013) và đến 2016 thì diện tích này càng giảm nghiêm trọng.



Diễn biến diện tích và sản lượng đậu tương vùng ĐBSCL 2007 - 2012

Tại ĐBSCL đậu tương thường trồng trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè, trong đó Xuân Hè là vụ chính, theo số liệu thống kê ĐBSCL thường đạt năng suất từ 2-3 tấn/ha, tuy nhiên trong thực tế sản xuất ít có trường hợp đạt được với mức trên mà chỉ đạt trong khoảng 2-2,5 tấn/ha. Nguyên nhân cây trồng này chậm phát triển là vì giá cả bấp bênh, ít thị trường tiêu thụ và hao tổn công lao động thời vụ, vì vậy người dân ngại sản xuất mặc dù nhiều cơ quan, ban ngành địa phương xác nhận sản xuất có hiệu quả và

khuyến khích phát triển. Thực trạng nguyên liệu đậu tương của vùng này bị thiếu hụt một cách trầm trọng, vì đây là vùng đang phát triển mạnh về chăn nuôi gia súc và cá xuất khẩu, nếu so với sản lượng đậu tương trên cả nước (175,2 ngàn tấn) thì lượng đậu tương nhập khẩu của năm 2012 hơn gấp 7 lần (1,28 triệu tấn) với sản lượng hiện nay và có khả năng tăng cao trong những năm sau khi ngành chăn nuôi phát triển. Sau một thời gian dài sử dụng nguyên liệu đậu tương nhập khẩu, mặc dù có giá thành thấp hơn đậu tương sản xuất trong nước từ 4-5 ngàn đồng/kg, nhưng nhiều doanh nghiệp đang còn muốn tăng cường chất lượng khi sử dụng cho cá ba sa và chế biến sữa bằng nguồn đậu tương bản địa. Vì vậy, hiện nay đã có nhiều công ty đang có hướng xây dựng vùng

nguyên liệu ổn định, bao tiêu sản phẩm để đáp ứng nhu cầu nguyên liệu cho kế hoạch sản phẩm như Cty Vĩnh Hoàn, Cty Vạn Đức, Cty Nutifood và Cty Vinasoy. Cũng như cây ngô, luân canh đậu tương sau vụ lúa Đông Xuân là mô hình sản xuất lý tưởng nếu mang lại hiệu quả cao.

3. Những trở ngại đang gặp phải trong quá chuyển đổi cơ cấu cây trồng liên quan đến đậu tương hiện nay

Trong quá trình nghiên cứu và chuyển giao TBKT, tiếp cận với nông dân, ban ngành địa phương và doanh nghiệp, khi bàn về công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng vẫn còn nhiều tranh luận giữa các cơ quan nghiên cứu, cơ quan quản lý Nhà nước và nông dân. Những trở ngại sản xuất liên quan đến phát triển đậu tương có thể tóm tắt như sau:

- ✓ Nông dân vẫn còn ngần ngại khi chuyển đổi, chủ yếu là vấn đề tiêu thụ sản phẩm, không cạnh tranh được với giá đậu tương nhập khẩu. Doanh nghiệp cũng muốn thu mua đậu tương nguyên liệu trong nước, nhưng không thể cao hơn giá nhập khẩu, vì phải cạnh tranh với doanh nghiệp khác có ngành nghề liên quan. Nên nông dân muốn thực hiện theo tập quán “ăn chắc, mặc bền” trồng lúa vẫn dễ, đã có sẵn thiết bị phục vụ từ gieo trồng đến thu hoạch, có thể ứng dụng cơ giới hóa hầu như toàn bộ, nếu có thất bát thì vẫn ít rủi ro hơn.
- ✓ Hiệu quả kinh tế sản xuất đậu tương chưa thuyết phục so với một số cây trồng khác theo từng thời điểm (vùng, ngô, rau màu khác), vì ảnh hưởng bởi giá đậu tương nhập khẩu nên giá bán quá thấp (10.000 – 12.000đ/kg),.
- ✓ Nông dân còn ngại sản xuất những cây trồng có chi phí lao động cao, khó ứng dụng được cơ giới hóa trong khi nguồn nhân lực lao động thì đang giảm dần do quá trình đô thị hóa và phát triển công nghiệp, các thiết bị máy móc chế biến sản phẩm sau thu hoạch có giới hạn.
- ✓ Hàng hóa nông sản tiêu thụ khó khăn, năng suất chất lượng sản phẩm chưa đủ sức cạnh tranh, giá nông sản không ổn định, ảnh hưởng đến thu nhập của nông dân

4. Những tiến bộ kỹ thuật về đậu tương gần đây và kết quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số địa bàn đã ứng dụng

4.1 Các tiến bộ kỹ thuật về đậu tương gần đây

Tiến bộ kỹ thuật về giống cây trồng trong giai đoạn hiện nay thì rất phong phú, đặc biệt là giống đậu tương. Trong quá trình nghiên cứu và chuyển giao TBKT trong nông nghiệp ở các tỉnh phía Nam, ứng dụng TBKT để chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả, Trung tâm Nghiên cứu Thực nghiệm Nông nghiệp Hưng Lộc thuộc Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Miền Nam đã giới thiệu một số giống và biện pháp kỹ thuật sản xuất đậu tương phục vụ công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa ở các tỉnh ĐNB và ĐBSCL, như sau:

+ **Bộ giống tham gia Dự án sản xuất thử nghiệm cho vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long**

- **Giống đậu tương HL 07-15**

+ Giống đậu tương HL 07-15 được chọn tạo từ tổ hợp lai (HL 203 x HL 92), theo phương pháp phá hệ từ 2005 – 2012. Qua quá trình chọn tạo và khảo nghiệm giống đậu tương HL 07-15 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử cho các vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và ĐBSCL tại Quyết định số 333/QĐ-TT-CCN ngày 5/8/2013.

Đặc điểm

- TGST: 80 – 85 ngày, cao cây: 50 – 70 cm, số cành cấp 1: 2,5 - 3,5 cành, tổng số trái/cây: 30 – 45 quả, tỷ lệ trái 3 hạt: 60 – 70%. P 100 hạt: 15 – 17,5 g.
- Vỏ trái khi chín màu vàng rom nhạt, màu hạt vàng sáng, rón hạt nâu nhạt. có khả năng chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- Kháng bệnh rỉ sắt, đốm lá vi khuẩn và thối trái.
- Năng suất đạt 1,5 – 1,8 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, đạt 2,0 – 2,5 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè, giống cho năng suất ổn định và thích nghi rộng.
- Giống thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.



▪ **Giống đậu tương HLĐN 29**

Giống HLĐN 29 được chọn tạo theo phương pháp truyền thống kết hợp với chi thị phân tử S35 Langrisat 1, giống được chọn tạo từ tổ hợp lai (HLĐN 1 x Kettum). Qua quá trình chọn tạo và khảo nghiệm giống đậu tương HLĐN 29 đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận sản xuất thử cho các vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và ĐBSCL tại Quyết định số 333/QĐ-TT-CCN ngày 5/8/2013.

Đặc điểm

- Thời gian sinh trưởng: 82 – 88 ngày.
- Cao cây: 56 – 68 cm, số cành cấp 1: 2,5 - 3,5 cành
- Tổng số trái/cây: 35 – 42 quả, tỷ lệ trái 3 hạt: 39 – 45%.
- P 100 hạt: 15,7 – 18,1 g.
- Hàm lượng protein: 34,7%; lipid 24%.
- Hoa tím, lông tơ vàng hung, vỏ trái khi chín màu vàng rom, hạt màu vàng sáng, rón hạt màu nâu nhạt.
- Có khả năng chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- Chống chịu tốt với bệnh rỉ sắt và đốm lá vi khuẩn.
- Năng suất đạt 2 – 2,28 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, đạt 2,35 – 2,5 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè, giống cho năng suất ổn định và thích nghi rộng.
- Giống thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long.



+ **Bộ giống triển vọng đang khảo nghiệm sản xuất, sẽ giới thiệu trong thời gian tới**

▪ **Giống đậu tương HLĐN 910**

Giống đậu tương HLĐN 910 được chọn tạo và phát triển dòng thuần DS 09-10 từ tổ hợp lai (HL203 x OMĐN 1) theo phương pháp phá hệ truyền thống. Qua quá

trình khảo nghiệm cơ bản và khảo nghiệm sản xuất tại vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, HLĐN 910 là giống triển vọng có thể phát triển.

Đặc điểm

- ✓ TGST: 80 – 83 ngày.
- ✓ Cao cây: 76,4 – 82,5 cm.
- ✓ Chiều cao đóng trái từ 15-20cm, thuận lợi cho canh tác cơ giới hóa
- ✓ Số cành cấp 1: 2 - 2,5 cành
- ✓ Tổng số trái/cây: 38,7 – 43,6 trái.
- ✓ Tỷ lệ trái 3 hạt: 54 – 66,4%.
- ✓ P 100 hạt: 16 – 17 g.
- ✓ Hàm lượng Protein 34,6%; Lipid 19%.
- ✓ Hoa màu trắng, lông tơ màu vàng hung, vỏ trái khi chín màu vàng rơm, màu hạt vàng sáng, rốn hạt nâu nhạt.
- ✓ Trái chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- ✓ Kháng bệnh rỉ sắt, đốm lá vi khuẩn và thối trái.
- ✓ Năng suất đạt 2 – 2,2 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, đạt 2,3 – 3 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè.



Giống có khả năng thích nghi cao, thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long

▪ **Giống đậu tương HLĐN 908**

Giống đậu tương HLĐN 908 được chọn tạo và phát triển dòng thuần DS 09-08 từ tổ hợp lai (HL203 x OMĐN 1) theo phương pháp phả hệ truyền thống. Qua quá trình so sánh, khảo nghiệm cơ bản tại vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, HLĐN 908 là giống triển vọng có thể phát triển.

Đặc điểm

- ✓ TGST: 80 – 83 ngày.
- ✓ Cao cây: 80,7 – 85,5 cm.
- ✓ Số cành cấp 1: 0,5 - 1,4 cành
- ✓ Tổng số trái/cây: 43,6 – 44,9 trái.
- ✓ Tỷ lệ trái 3 hạt: 62 – 66,2%.
- ✓ P 100 hạt: 14,6 – 15,4 g.
- ✓ Hàm lượng Protein 32,7%; Lipid 19%.
- ✓ Hoa màu trắng, lông tơ màu vàng hung, vỏ trái khi chín màu vàng rơm, màu hạt vàng sáng, rốn hạt nâu nhạt.
- ✓ Trái chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- ✓ Kháng bệnh rỉ sắt, đốm lá vi khuẩn và thối trái.
- ✓ Năng suất đạt 2,1 – 2,2 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, đạt 2,5 – 3 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè.



Giống có khả năng thích nghi cao, thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.

▪ **Giống đậu tương HLĐN 904**

Giống đậu tương HLĐN 904 được chọn tạo bởi kỹ thuật sàng lọc quần thể đột biến bằng nguồn Coban 60 với suất liều 400 Grey trên hạt khô từ giống HLĐN 29 đến đời M6. Qua quá trình so sánh, khảo nghiệm cơ bản tại vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, HLĐN 904 là giống triển vọng có thể phát triển.

+ Đặc điểm

- TGST: 78 – 79 ngày.
- Cao cây: 50 – 70 cm, số cành cấp 1: 1,3 - 2,9 cành
- Tổng số trái/cây: 42,7– 44,2 trái, tỷ lệ trái 3 hạt: 63,9-65,4%.
- Hoa màu tím, lông tơ màu vàng hung, vỏ trái khi chín màu vàng nhạt, hạt màu vàng sáng, rốn hạt màu nâu nhạt.
- P 100 hạt: 15,8 – 16,0 g.
- Hàm lượng protein 33,7%, Lipid 18,4%
- Có khả năng chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- Kháng bệnh rỉ sắt, đốm lá vi khuẩn và thối trái.
- Năng suất đạt 2,13 – 2,45 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông; đạt 2,5 – 2,85 tấn/ha trong vụ Đông Xuân, Xuân Hè.

Giống thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long. Giống đang được nhiều nông hộ tự giác nhân rộng, phát triển ở Đồng Nai và Vĩnh Long.

▪ **Giống đậu tương HLĐN 7940**

Giống đậu tương HLĐN 7940 được chọn tạo và phát triển dòng thuần DS 07-9-40 từ tổ hợp lai (HL07-15 x PI 416937), trong đó giống bố PI 416937 là giống mang gen chịu hạn từ nguồn gen của Missouri, Hoa Kỳ. Giống được chọn tạo theo phương pháp phá hệ truyền thống. Qua quá trình so sánh, khảo nghiệm cơ bản tại vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long, HLĐN 7940 là giống triển vọng có thể phát triển.

+ Đặc điểm

- TGST: 78 – 87 ngày.
- Cao cây: 56 – 68 cm.
- Số cành cấp 1: 2 - 3 cành
- Tổng số trái/cây: 30 – 45 trái.
- Tỷ lệ trái 3 hạt: 42 – 48%.
- P 100 hạt: 15,7 – 17,5 g.
- Hoa tím, lông tơ màu vàng hung, vỏ trái khi chín màu vàng rơm, màu hạt vàng sáng, rốn hạt nâu nhạt.
- Trái chín tập trung, ít tách quả ngoài đồng.
- Kháng bệnh rỉ sắt, đốm lá vi khuẩn và thối trái.
- Năng suất đạt 1,8 – 2,2 tấn/ha trong vụ Hè Thu và Thu Đông, đạt 2,4 – 3 tấn/ha trong vụ Đông Xuân và Xuân Hè.
- Giống có khả năng thích nghi cao, thích hợp canh tác cho vùng Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long.



4.2 Kết quả công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng ở một số địa bàn đã ứng dụng

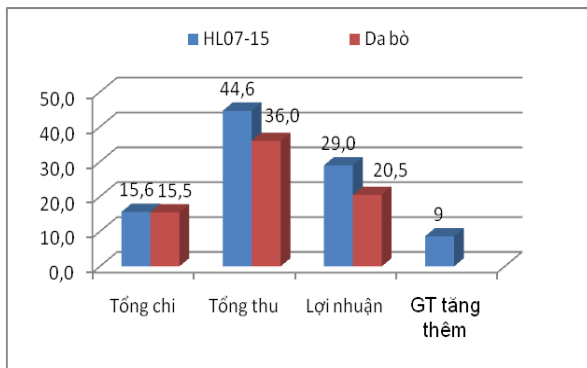
Hiện nay, mô hình sản xuất cây màu sau lúa vụ 2 (vụ Thu Đông hoặc vụ mùa) đang được khuyến cáo. Việc sản xuất cây màu có hiệu quả so với sản xuất lúa rõ rệt

đặc biệt là cây đậu tương, tuy nhiên còn lệ thuộc nhiều vào giá cả trên thị trường và vùng chuyên canh. Kết quả xây dựng mô hình trình diễn của một số giống đậu tương mới trong cơ cấu 2 lúa – 1 màu trong hệ thống chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại một số địa bàn trọng điểm cho thấy:

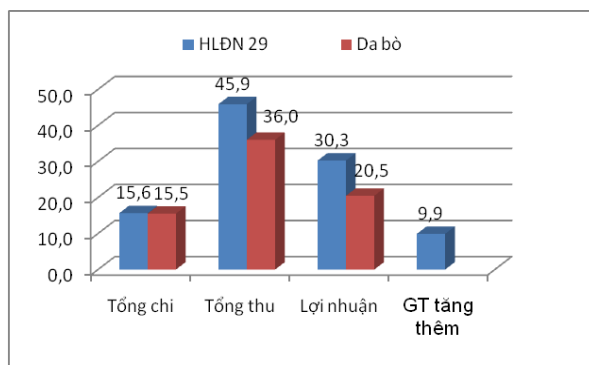
+ Vùng Đông Nam bộ

- Tại Đồng Nai

Kết quả mô hình trình diễn giống đậu tương HL 07-15 và HLĐN 29 vụ Đông Xuân 2011/2012 trên vùng đất lúa chuyển đổi tại Thanh Sơn, Định Quán, Đồng Nai cho năng suất 2,48 và 2,55 tấn/ha theo thứ tự, khác biệt có ý nghĩa so với đối chứng Da Bò địa phương. Qua Hội nghị đầu bờ đã được nông hộ sản xuất và chính quyền địa phương đánh giá cao, chấp nhận ứng dụng TBKT để mở rộng cho các vụ sau. Lợi nhuận của giống HL 07-15 và HLĐN 29 mang lại từ 28,9 - 30,25 triệu đồng/ha, so với giống địa phương là 20,47 triệu đồng/ha, chênh lệch lợi nhuận so với giống địa phương Da Bò từ 9 - 9,78 triệu đồng/ha chưa tính công lao động gia đình đầu tư (Nguyễn Văn Chương và cộng tác, 2013)



Hiệu quả kinh tế của mô hình thâm canh giống đậu tương HL07-15 tại xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, Đồng Nai vụ Đông Xuân 2011/2012. Giá thời điểm tháng 3/2012: đậu tương hạt 18.000 đ/kg



Hiệu quả kinh tế của mô hình thâm canh giống đậu tương HLĐN 29 tại xã Thanh Sơn, huyện Định Quán, Đồng Nai vụ Đông Xuân 2011/2012. Giá thời điểm tháng 3/2012: đậu tương hạt 18.000 đ/kg

▪ Vùng Đồng bằng sông Cửu Long

+ Tại Đồng Tháp, Vụ Xuân Hè 2010, tại xã Mỹ Thọ, huyện Cao Lãnh giống

HL 203 trong mô hình trình diễn năng suất đạt 2,5 tấn/ha, giống HL 07-15 đạt 2,7 tấn/ha, lợi nhuận gấp đôi so với trồng lúa. Nguồn giống được bà con nông dân chủ động tồn trữ, bảo quản để sản xuất cho những vụ sau, giống đậu tương HL 203 và HL 07-15 đã được nông dân tự nguyện mở rộng diện tích qua tìm hiểu thông tin và ứng dụng TBKT mới.



Mô hình trình diễn giống đậu tương HL 203 và HL 07-15 tại Mỹ Thọ, Cao Lãnh, Đồng Tháp vụ Xuân Hè 2010 và 2011

+ Trong vụ Xuân Hè 2014, 2015 tại xã An Phú Thuận, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp; xã Tân Hạnh, huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long; và Tân Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, năng suất các giống biến động từ 2,7 đến 3,15 tấn/ha, trong đó mô hình có hiệu quả là giống HLĐN 29 cho năng suất từ 2,85 đến 3,15, vượt đôi chứng từ 11-19%.



Ngoài 2 giống HL07-15 và HLĐN 29 đang thực hiện dự án sản xuất thử cho vùng Tây Nguyên, Đông Nam bộ và Đồng bằng sông Cửu Long đã tạo được nguồn giống tốt, số lượng lớn, có thể cung cấp, luân chuyển cho vùng khác trong những năm tới, còn có một số giống khác đang khảo nghiệm sản xuất và trình diễn để xác định tính thích nghi trước khi giới thiệu cho sản xuất như HLĐN 910, HLĐN 908, HLĐN 904 và HLĐN 7940.

Tóm lại, chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa kém hiệu quả là vấn đề cần thiết thực hiện để tăng hiệu quả sản xuất trên đơn vị diện tích. Sử dụng cây đậu tương để đưa vào cơ cấu là biện pháp khả thi, ngoài tăng thu nhập còn có thể cải tạo được chuyên canh lúa, cắt đứt ký sinh, ký chủ giảm thiệt hại về sâu bệnh cho mùa sau.



Mô hình trình diễn giống HLĐN 908
tại xã An Phú Thuận, Châu Thành,
Đồng Tháp, vụ Xuân Hè 2015



Mô hình trình diễn giống HLĐN 910
tại xã Tân Hạnh, Long Hồ, Vĩnh Long,
vụ Xuân Hè 2015

5. Một số giải pháp đề nghị

▪ Xúc tiến thương mại

- Tổ chức sản xuất, khâu nối giữa người sản xuất với doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm, hạn chế rủi ro, tăng thu nhập cho người sản xuất và duy trì phát triển bền vững vùng chuyển đổi.
- Thông qua một số công ty đang có nhu cầu về nguyên liệu đậu tương để định dạng sản phẩm và tiêu thụ (Cty Vinasoy, Cty Nutifood sản phẩm sữa đậu nành), Công ty Vạn Đức (Tiền Giang) và Vĩnh Khánh (Đồng Tháp), thức ăn cho cá Basa), Cty Bunge (Bà Rịa Vũng Tàu, sản phẩm dầu thực vật).

▪ Quy hoạch vùng nguyên liệu

- Chuyển đổi vụ lúa Xuân Hè sang trồng màu trồng cơ cấu 1 vụ lúa và từ 1 đến 2 vụ màu.
- Tạo vùng sản xuất hàng hóa, vùng nguyên liệu đậu tương để thuận tiện cho việc tiêu thụ sản phẩm, phát triển bền vững.

▪ Chính sách hỗ trợ

- Xây dựng chính sách hỗ trợ vốn, vay vốn lãi suất thấp để người dân đầu tư sản xuất.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn lãi suất thấp để tiêu thụ nguyên liệu.

▪ Ứng dụng TBKT

- Tạo điều kiện để đưa nhanh các TBKT về giống đậu tương, để xây dựng cánh đồng mẫu lớn, thành lập vùng nguyên liệu tập trung.
- Ứng dụng cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp, trước mắt cần tập trung hoàn thiện hệ thống máy tách hạt đậu tương. Về lâu dài cần nghiên cứu hoàn thiện hệ thống máy gieo trồng và thu hoạch đậu tương để hạ giá thành sản phẩm.